

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Tuấn Mỹ
2. Ông Nguyễn Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị D - sinh năm 1986; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Cư T, xã Suối H, huyện D, Khánh Hòa.

- ***Bị đơn:*** Ông Lê Lại Thanh T - sinh năm 1978; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Cư T, xã Suối H, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày: Bà và ông Lê Lại Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường Lộc N, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông T có qua lại với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Năm 2011 bà D có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện D để giải quyết ly hôn với ông T, ông T có đến Tòa án làm việc và hứa sẽ thay đổi nhưng đến nay vẫn không thay đổi. Bà D xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Lê Thị D và ông Lê Lại Thanh T có hai con chung là Lê Thu P - sinh ngày 04/11/2005 và Lê Hoài Minh Th - sinh ngày 29/8/2007. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp

dưỡng nuôi con chung vì ông bà có thỏa thuận ông T sẽ chu cấp cho con mỗi tháng tùy theo khả năng.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị D và ông Lê Lại Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị D xác định không có nợ chung.

Đối với bị đơn ông Lê Lại Thanh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa để làm việc.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D. Cho bà Lê Thị D được ly hôn với ông Lê Lại Thanh T; về con chung: Giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T; về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có; về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Lại Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Lê Lại Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/10/2004 và được Ủy ban nhân dân phường Lộc N, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53/2004, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lê Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Lại Thanh T vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông T, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bị đơn ông Lê Lại Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó cho thấy ông T đã không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà D. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở để xác định tình cảm giữa ông T và bà D thực sự không còn, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho bà D được ly hôn với ông T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị D và ông Lê Lại Thanh T có hai con chung là Lê Thu P - sinh ngày 04/11/2005 và Lê Hoài Minh Th - sinh ngày 29/8/2007. Các cháu có nguyện vọng ở với mẹ nên HĐXX nhận thấy giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T vì bà D không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Lê Thị D xác định bà và ông Lê Lại Thanh T không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51 và 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Lê Lại Thanh T.

- Về con chung: Bà Lê Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Lê Thu P - sinh ngày 04/11/2005 và Lê Hoài Minh Th - sinh ngày 29/8/2007 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Lê Lại Thanh T.

Ông Lê Lại Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà D và ông T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007549 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy, bà D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND p.Lộc N, tp Bảo L
tỉnh Lâm Đồng (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Ân

